

TẠP CHÍ

GIÁO DỤC VÀ XÃ HỘI

Journal of Education and Society

CƠ QUAN NGHIÊN CỨU, LÝ LUẬN, DIỄN ĐÀN GIÁO DỤC, KHOA HỌC

- VIỆN NGHIÊN CỨU VÀ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ GIÁO DỤC ATEC THUỘC HIỆP HỘI CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG VIỆT NAM

ISSN 1859 - 3917

**CHÀO MỪNG KỶ NIỆM 70 NĂM NGÀY
GIẢI PHÓNG THỦ ĐÔ (10/10/1954 - 10/10/2024)**



Số 163 (224) tháng 10/2024 (kì 2)

Tạp chí GIÁO DỤC & XÃ HỘI

JOURNAL OF EDUCATION AND SOCIETY

NĂM THỨ MƯỜI TÁM (Bộ mới)

Số 163 (224), Tháng 10/2024 (kì 2)

ISSN 1859-3917

HỘI ĐỒNG BIÊN TẬP

ĐÀO TRỌNG THI

CAO VĂN PHƯỜNG

VŨ DŨNG

TRẦN VĂN NHUNG

NGUYỄN MINH THUYẾT

TRẦN VĂN ĐỘ

BÙI ANH TUẤN

TRẦN ĐĂNG XUYỀN

TRẦN XUÂN NHĨ

TRẦN QUANG QUÝ

TRIỆU THẾ HÙNG

TRẦN BÁ DUNG

THÁI VĂN LONG

LÊ THỊ HẰNG

TỔNG BIÊN TẬP

ĐOÀN XUÂN TRƯỜNG

TÒA SOẠN VÀ TRỊ SỰ

Phòng 308, Tập thể Tổng cục Thống kê, ngõ 54A, đường Nguyễn Chí Thanh,
phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Điện thoại: 024-62946516 **Fax:** 024-62732689

Email: tapchigiaoducvaxahoi@gmail.com **Website:** www.giaoducvaxahoi.vn

VĂN PHÒNG BẮC TRUNG BỘ

Phòng 1001, Toà nhà A6, số 565 Quang Trung, phường Đông Vệ, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

Điện thoại: 0372.866.166

Email: giaoducxahoibtb@gmail.com

TRÌNH BÀY: THÀNH CÔNG

Giấy phép xuất bản số: 229/GP-BTTTT ngày 02/6/2020 - Bộ Thông tin và Truyền thông

In tại: Công ty TNHH In Ấn Đa Sắc

Giá: 45.000 đồng

MỤC LỤC - CONTENTS

NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI - RESEARCH & DISCUSSION

- 3 Đặng Thị Ánh Tuyết:** Tư tưởng Hồ Chí Minh trong tác phẩm “Dân vận” và sự vận dụng trong thực hiện “Dân vận khéo” ở tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu hiện nay - Ho Chi Minh's thoughts in the work “Mass mobilization” and the application in the implementation of “Good mass mobilization” in Ba Ria - Vung Tau province today.
- 8 Lê Thị Cẩm Nhung:** Vận dụng quan điểm Hồ Chí Minh trong khắc phục “Bệnh lười” học tập lý luận của cán bộ, đảng viên hiện nay - Applying Ho Chi Minh's viewpoint in overcoming the “laziness” of current cadres and party members in learning political theory.
- 13 Lê Thị Hoa:** Văn hóa đọc từ góc nhìn ngày sách và văn hóa đọc Việt Nam - Reading culture from the perspective of the Vietnam Book and Reading Culture Day.
- 19 Lê Văn Phúc - Trần Ngọc Sơn:** Phát triển đội ngũ trí thức người dân tộc thiểu số ở tỉnh Kon Tum hiện nay - Thực trạng và vấn đề đặt ra - Development of ethnic minority intellectuals in Kon Tum province today - current situation and issues.
- 25 Phan Bảo Ly:** Quản lý hoạt động xây dựng văn hoá nhà trường ở các trường Mầm non tư thục Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh - Managing school culture building activities at private preschools in District 4 Ho Chi Minh City.
- 31 Nguyễn Thị Tinh - Phùng Thị Lý:** Đa dạng hóa phương pháp giảng dạy học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam hệ đại học - Diversifying teaching methods for the course History of the Communist Party of Vietnam at the university level.
- 36 Phan Bá Lê Hiến - Bùi Thị Phương Thảo:** Tổ chức bài học STEM ở môn Toán trong đào tạo giáo viên tiểu học thông qua dạy học dự án - Organizing STEM lessons in Math in primary school teacher training through project-based learning.
- 41 Nguyễn Kinh Danh - Nguyễn Thị Thu Kiều:** Vận dụng phương pháp dạy học khám phá có hướng dẫn môn Toán lớp 2 tại Trường Tiểu học Lê Văn Tám, thành phố Trà Vinh - Applying guided discovery teaching method in grade 2 Math at Le Van Tam Primary School, Tra Vinh city.
- 47 Nguyễn Tấn Phát - Nguyễn Văn Sia:** Giáo dục kỹ năng sống cho trẻ mầm non thông qua hoạt động trải nghiệm - Educating life skills for preschool children through experiential activities.
- 52 Trần Thị Hạnh:** Xây dựng môi trường giáo dục lấy trẻ làm trung tâm ở các trường mầm non quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội - Building child-centered educational environment in preschools in Cau Giay District, Hanoi City.
- 58 Lê Thị Cẩm Tú:** Đổi mới phương pháp dạy và học các môn Lý luận chính trị tại Trường Đại học Giao thông vận tải Thành phố Hồ Chí Minh theo hướng tiếp cận năng lực đáp ứng yêu cầu hội nhập - Innovating teaching and learning methods of Political Theory subjects at Ho Chi Minh City University of Transport towards a competency approach to meet integration requirements.
- 63 Nguyễn Thúy Vân:** Xây dựng trường học đạt chuẩn quốc gia giai đoạn 2025-2030 tại tỉnh Vĩnh Phúc - Building national standard schools in Vinh Phuc province for the 2025-2030 period.
- 69 Trần Thị Thùy Dương:** Các yếu tố ảnh hưởng đến áp lực trong kiểm tra, đánh giá của học sinh trung học cơ sở khu vực thành thị tỉnh Phú Thọ - Factors affecting pressure in assessment tests of middle school students in urban areas of Phu Tho province.
- 75 Nguyễn Thị Ngọc Tuyền - Lâm Bá Khánh Toàn - Lê Thị Xuân An:** Kinh nghiệm đào tạo cho sinh viên, học sinh để nâng cao nhận thức và thực hiện các hoạt động về sở hữu trí tuệ trong môi trường giáo dục - Training experience for students to improve awareness and implementation of intellectual property activities in the educational environment.
- 81 Ngô Thị Như:** Giáo dục đạo đức sinh thái cho sinh viên trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế hiện nay - Educating ecological ethics for students in the context of current international economic integration.
- 86 Trần Thị Thu Hà - Lê Doãn Lâm:** Nâng cao chất lượng đào tạo gắn với nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và đổi mới sáng tạo ở các trường đại học trong bối cảnh cách mạng công nghiệp 4.0 - Improving the quality of training associated with scientific research, technology transfer and innovation at universities in the context of the 4.0 industrial revolution.
- 91 Nguyễn Thị Hà:** Quốc tế hóa giáo dục đại học của Hàn Quốc và hàm ý chính sách cho Việt Nam trong bối cảnh chuyển đổi số - Internationalization of higher education in South Korea and policy implications for Vietnam in the context of digital transformation.
- 97 Phương Thị Hệ:** Nâng cao năng lực tiếng Anh cho sinh viên Trường Cao đẳng Công thương Thành phố Hồ Chí Minh nhằm đáp ứng chuẩn đầu ra theo khung tham chiếu châu Âu - Enhancing English proficiency for students at Ho Chi Minh City Industry and Trade College to meet the common European reference framework's outcome standards.
- 103 Vũ Thị Nga:** Toàn cầu hóa, hội nhập quốc tế và xu hướng quản trị nhà nước hiện đại ở Việt Nam - Globalization, international integration and modern state governance trends in Vietnam.
- 109 Nguyễn Thục Trinh:** Một số gợi ý về phương pháp tự học phát âm tiếng Anh hiệu quả cho sinh viên đại học năm thứ nhất - Some suggestions for effective English pronunciation self-study methods for the first-year students.
- 113 Phan Thị Uyên:** Đổi mới nội dung, phương pháp giảng dạy Triết học Mác-Lênin tại Trường Đại học Tài chính - Quản trị kinh doanh - Innovating the content and teaching methods of Marxist-Leninist Philosophy at the University of Finance and Business Administration.
- 118 Nguyễn Thị Kim Ngân - Lăng Bảo Hòa:** Vai trò của thiết kế đồ họa trong âm nhạc và đào tạo ngành Công nghệ âm nhạc - The role of graphic design in music and Music Technology Industry training.
- 124 Nguyễn Hải Dương:** Giải pháp nâng cao hiệu quả giảng dạy và học tập nội dung kỹ thuật bơi vũ trang cho sinh viên Học viện Cảnh sát nhân dân - Solutions to improve the effectiveness of teaching and learning armed swimming techniques for students of the People's Police Academy.
- 130 Phạm Thị Ngân Xuân:** Đổi mới, nâng cao chất lượng học tập Lý luận chính trị tại Trường Chính trị Nguyễn Văn Cừ, tỉnh Bắc Ninh trong giai đoạn hiện nay - Innovation and improvement of Political Theory learning quality at Nguyen Van Cu School of Politics, Bac Ninh province in the current period.
- 135 Châu Thanh Duy:** Sự cần thiết của lưu trữ tài liệu điện tử đối với hoạt động của Ủy ban nhân dân cấp xã trong giai đoạn hiện nay - The necessity of electronic document storage for the operations of commune-level People's Committees in the current period.
- 140 Lê Thị Tuyết Hà:** Bảo vệ quyền tác giả thông qua phương pháp giảng dạy trực tuyến - E-learning - Protection of copyright through online teaching methods.
- 145 Phan Thị Thanh Hải:** Đổi mới Giáo dục Đại học Việt Nam trong bối cảnh chuyển đổi số - Reformation of vietnamese higher education in the context of digital transformation.
- 150 Nguyễn Đình Sơn:** Bầu cử đại biểu Quốc hội ở nước ta hiện nay: Thực trạng và kiến nghị hoàn thiện - Election of National Assembly deputies in our country today: Current situation and recommendations for improvement.
- 155 Huỳnh Thị Kim Lan - Phạm Nguyễn Hồng Nguyên - Bùi Phùng Ngọc Huyền:** Hợp đồng mua bán tài sản với các thỏa thuận đặc biệt - Contracts for purchase and sale of property with special agreements.

- 160 Ngô Trọng Quân:** Gian lận thương mại trong xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam và một số giải pháp - Commercial frauds in exportation of goods from Vietnam and some solutions.
- 165 Mai Thị Minh Ngọc:** Sự tương đồng và khác biệt về bãi miễn đại biểu dân cử ở Việt Nam và một số quốc gia trên thế giới - Similarity and differences about election exemptions in Vietnam and some countries around the world.
- 170 Trương Kim Phụng - Võ Ngọc Lộc:** Quyền của người tiêu dùng trong thương mại điện tử ở Việt Nam - Consumer rights in e-commerce in Vietnam.
- 176 Trần Phong Lưu:** Kinh nghiệm pháp luật của một số quốc gia khu vực ASEAN về ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp nhằm khuyến khích đầu tư phát triển công nghiệp hỗ trợ và gợi mở cho Việt Nam - Legal experience of some ASEAN countries on corporate income tax incentives to encourage investment in supporting industry development and suggestions for Vietnam.
- 182 Diệp Phúc Châu - Ngô Thị Phương Thảo:** Pháp luật về đầu tư theo hình thức thành lập tổ chức kinh tế của nhà đầu tư nước ngoài tại Việt Nam - Law on investment in the form of establishing economic organizations by foreign investors in Vietnam.
- 187 Nguyễn Huyền Trang:** Bàn về căn cứ đình chỉ giải quyết vụ án dân sự tại tòa án cấp sơ thẩm - Discussing grounds for suspending the resolution of the civil cases at the first-instance court.
- 192 Nguyễn Bình An:** Hoàn thiện pháp luật khiếu nại về lao động theo tinh thần Hiến pháp 2013 - Improving labour grievance laws in accordance with the spirit of the 2013 Constitution.
- 198 Nguyễn Nhất Vũ:** Tìm hiểu quy định của pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam về nguồn chứng cứ là dữ liệu điện tử - The study of the legal provisions in Vietnam's criminal procedure law regarding electronic data as a source of evidence.
- 202 Thái Việt Nam:** Biện pháp ngăn chặn bắt theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự hiện hành và một số vấn đề trao đổi, nghiên cứu - Provisions of the 2015 Criminal Procedure Code on detention as a pre-trial measure and some related issues.
- 207 Nguyễn Thành Tự:** Chứng cứ trong giải quyết tranh chấp kinh doanh thương mại bằng trọng tài thương mại tại Việt Nam - Evidence in commercial dispute resolution through arbitration in Vietnam.
- 213 Lưu Việt Hùng:** Thực hiện quy định của Luật Bảo vệ môi trường 2020 về phân loại chất thải sinh hoạt tại nguồn và giải pháp hoàn thiện - Current status of implementation of regulations of the Law on Environmental Protection 2020 on classification of domestic waste at source and solutions to improve.
- 219 Hồ Trung Hải:** Pháp luật về cho vay thế chấp bằng nhà ở hình thành trong tương lai của ngân hàng thương mại tại Việt Nam - Law on lending mortgages using future housing by commercial banks in Vietnam.
- 225 Nguyễn Trọng Luân:** Một số chú ý và kiến nghị hoàn thiện về hợp đồng trao đổi tài sản theo Bộ luật Dân sự năm 2015 - Some notes and recommendations for improving property exchange contracts according to the 2015 Civil Code.
- 230 Trần Thị Thu Hà:** Hoạt động xử lý vật chứng là tài sản chung trong điều tra các vụ án hình sự theo quy định của pháp luật - Handling of evidence as common property in investigations of criminal cases according to the provisions of the law.
- 235 Vũ Hiến Thu:** Công tác quản lý đối tượng theo pháp luật của lực lượng Cảnh sát khu vực trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn - Legal management of subjects by the Regional Police force in Lang Son province.
- 240 Lê Thị Minh Phương:** Quan điểm Phật giáo về lòng hiếu thảo và giá trị hiện thời trong đời sống xã hội ngày nay - Buddhist views on filial piety and its current value in today's social life
- 245 Cao Thị Lan Anh:** Thách thức từ môi trường bên ngoài của doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ tại thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai - Challenges from the external environment of enterprise owned by women in Pleiku city, Gia Lai province.
- 251 Hoàng Thị Thanh Thủy:** Đấu tranh, phản bác các luận điệu xuyên tạc về chính sách đất đai, tài nguyên môi trường của Việt Nam - Struggle against and refute the distorted narratives about Vietnam's land and environmental resource policies.
- 257 Dương Tấn Lộc:** Phát huy nguồn lực tôn giáo trên phương diện giá trị văn hóa, đạo đức tại Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh - Promoting religious resources in terms of cultural and ethical values in District 8, Ho Chi Minh City.
- 262 Trần Thị Thúy Chinh:** Xây dựng đội ngũ cán bộ người dân tộc thiểu số ở tỉnh Kon Tum hiện nay - Building a team of ethnic minority officers in Kon Tum province now.
- 267 Đỗ Thị Nường - Chu Tuấn Anh:** Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên lãnh đạo công tác chuyển đổi số y tế từ năm 2020 đến năm 2023 và một số bài học kinh nghiệm - The Thai Nguyen Provincial Party Committee's Leadership in Digital Transformation in Healthcare from 2020 to 2023 and Some Lessons Learned.
- 272 Trương Thị Hiền Lương:** Sản xuất hồ tiêu theo hướng hữu cơ trên địa bàn huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai - Organic pepper production in Chu Se district, Gia Lai province.
- 278 Bùi Thị Huyền:** Biến đổi văn hóa tinh thần của người M'Nông tại huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông hiện nay - Changing the spiritual culture of M'Nong people in Dak Mil district, Dak Nong province now.
- 284 Lê Thị Mỹ:** Tiếp cận dịch vụ xã hội của người dân xã Đak Nhou: Nhìn từ lý thuyết nhóm im lặng - Access to social services of Dak Nhou commune people: View from Muted Group Theory.
- 290 Nguyễn Thị Đoãn An:** Phát triển mô hình du lịch bền vững - Nghiên cứu trường hợp tại vùng núi Altai (Liên bang Nga) - Developing a sustainable tourism model: a case study in the Altai mountains (Russian Federation).
- 295 Hồ Ngọc Châm:** Một số yếu tố ảnh hưởng đến quyết định du lịch châu Âu của du khách Việt - Factors influencing Vietnamese tourists decision-making on choosing Europe as the destination.
- 300 Nguyễn Thị Thơm:** Phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Thái Nguyên hiện nay - Socialist oriented market economic development in Thai Nguyen currently.
- 306 Lê Hữu Phước:** Vai trò của các nhóm hội tự nguyện đối với hoạt động sản xuất, kinh doanh của hộ trang trại ở huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai - The role of self-volunteering groups in the production and business activities of small-scale farmers in Chu Se district, Gia Lai province.
- 312 Võ Ngọc Châu:** Một số giải pháp phát triển chăn nuôi bò thịt của nông dân trên địa bàn huyện Krông Pa, tỉnh Gia Lai - Some solutions for developing beef cattle farming in Krông Pa district, Gia Lai province.
- 318 Nguyễn Thị Lê Uyên:** Thực trạng và giải pháp chuyển đổi kỹ năng nghề nghiệp, đảm bảo việc làm cho người lao động tại doanh nghiệp ở Thành phố Hồ Chí Minh - Current situation and solutions for occupational skill transformation, ensuring employment for workers in ho chí minh city.
- 323 Nguyễn Thủy Hồng:** Khảo sát các bài mục viết về chùa ở Hà Nội trong bộ sách Hà Nội danh thắng và di tích - Survey of articles and items on pagodas of Hanoi in the book series on Hanoi Famous Places of Scenic Beauty and Monuments.
- 328 Trương Thị Xuân Nhi - Lê Hoàng Thị Ngân Hà - Trần Thị Hạnh Nguyễn:** Giải pháp truyền thông Marketing trực tuyến nhằm phát triển du lịch Lễ hội truyền thống tại thành phố Nha Trang - Online Marketing communication solution to develop traditional festival tourism in Nha Trang city.
- 333 Cao Ngọc Báu - Đặng Công Vinh:** Thực trạng và biện pháp nâng cao chất lượng Giáo dục quốc phòng và An ninh tại các trường trung học phổ thông quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ - The Current Situation and Solutions for Enhancing the Quality of National Defense and Security Education at High Schools in Ninh Kieu District, Can Tho City.
- 339 Đoàn Thị Quý - Vũ Kiều Oanh:** Một số chính sách thúc đẩy công bằng trong giáo dục đại học ở Trung Quốc hiện nay - Several policies promoting justice in higher education in China nowadays.

XÂY DỰNG TRƯỜNG HỌC ĐẠT CHUẨN QUỐC GIA GIAI ĐOẠN 2025-2030 TẠI TỈNH VINH PHÚC^(*)

NGUYỄN THÚY VÂN
Trường Đại học Thành Đô

Nhận bài ngày 20/9/2024. Sửa chữa xong 26/9/2024. Duyệt đăng 01/10/2024.

Abstract

Building national standard schools aims to enhance the overall quality of education, contributing to the country's economic and social development. However, the current status of national standard school construction faces many challenges, as it has not yet met the quality assurance requirements of various criteria such as teaching staff, facilities, and educational equipment. Therefore, to achieve the goal of building national standard schools, Vinh Phuc province needs to prioritize allocating budget resources for education, recruit, train, and develop a qualified teaching workforce, and expand land resources to build more schools and classrooms.

Keywords: National standards, Vinh Phuc, quality, education, school, school construction

1. Đặt vấn đề

Xây dựng trường học đạt chuẩn quốc gia là một trong những chủ trương lớn của Đảng, Nhà nước đối với sự nghiệp giáo dục, góp phần thực hiện mục tiêu chiến lược phát triển giáo dục và đào tạo theo Nghị quyết số 29-NQ/TW đề ra [1, tr. 1]; là giải pháp quan trọng để hình thành hệ thống trường lớp chuẩn hóa, hiện đại hóa về cơ sở vật chất, hiệu quả về công tác quản lý, đảm bảo chất lượng về đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục và nâng cao chất lượng dạy học.

Vinh Phúc là tỉnh nằm trong vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ, cửa ngõ của Thủ đô Hà Nội, gần sân bay Quốc tế Nội Bài, là cầu nối giữa các tỉnh phía Tây Bắc với Hà Nội và đồng bằng châu thổ sông Hồng, vì vậy, tỉnh có vai trò rất quan trọng trong chiến lược phát triển kinh tế vùng và quốc gia. Trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo, Vinh Phúc luôn được đánh giá là một trong những tỉnh, thành có chất lượng giáo dục tốt nhất cả nước. Hệ thống mạng lưới trường lớp của các cấp được quy hoạch và quan tâm đầu tư. Công tác xây dựng trường học đạt chuẩn quốc gia được Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh quan tâm chỉ đạo, đặc biệt đối với các chỉ tiêu xây dựng trường học đạt chuẩn quốc gia theo tiêu chuẩn mới. Nghị quyết của Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Vinh Phúc lần thứ XVII, nhiệm kỳ 2020-2025 đặt mục tiêu “Tỷ lệ trường chuẩn quốc gia theo chuẩn mới đạt 70% trở lên ở tất cả các cấp học” [2, tr. 6]. Vì thế, đánh giá thực trạng về trường học đạt chuẩn quốc gia trên địa bàn tỉnh Vinh phúc là rất cần thiết để xây dựng hệ thống các giải pháp nhằm thực hiện Nghị quyết của Đảng bộ tỉnh Vinh Phúc là hoàn thành mục tiêu xây dựng trường học đạt chuẩn quốc gia.

2. Kết quả nghiên cứu

2.1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng trường chuẩn quốc gia

Thực hiện Nghị quyết của Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh Vinh Phúc lần thứ XVII nhiệm kỳ 2020-2025 và chỉ đạo của UBND tỉnh, năm 2023, Sở GD&ĐT đã tham mưu triển khai, chỉ đạo công tác xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia như sau:

^(*) Nghiên cứu giải pháp đẩy mạnh công tác xây dựng trường học đạt chuẩn quốc gia. Mã số: 04/ĐTKHVP/2023-2024”

Email: nguyenvan1848@gmail.com

- Tham mưu với UBND tỉnh ban hành văn bản số 147/UBND-VX2 ngày 09/01/2023 của UBND tỉnh về việc xây dựng trường học đạt chuẩn quốc gia giai đoạn 2023-2025; Văn bản số 177/SGDĐT-KHTC ngày 23/02/2023 của Sở GD&ĐT về việc rà soát cơ sở vật chất đầu tư cho các trường mầm non, tiểu học, THCS, THPT đăng ký chuẩn quốc gia giai đoạn 2023-2025.

- Sở GD&ĐT kịp thời báo cáo, xin ý kiến chỉ đạo của UBND tỉnh đối với các khó khăn, vướng mắc và ban hành các văn bản hướng dẫn triển khai thực hiện: Văn bản số 251/BC-SGDĐT ngày 03/8/2023 về việc báo cáo công tác xây dựng trường học đạt chuẩn quốc gia trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc; Văn bản số 1319/SGDĐT-KTQLCLGD ngày 14/8/2023 về khó khăn, vướng mắc trong thực hiện tiến độ xây dựng trường học đạt chuẩn quốc gia giai đoạn 2023-2025; Văn bản số 1367/SGDĐT-KTQLCLGD ngày 21/8/2023 về việc tổng hợp khó khăn, vướng mắc trong xây dựng trường học đạt chuẩn quốc gia; Văn bản số 266/SGDĐT-KTQLCLGD ngày 30/8/2023 về việc báo cáo tình hình thực hiện công tác xây dựng trường học đạt chuẩn quốc gia theo chuẩn mới giai đoạn 2018-2023; Văn bản số 2166/SGDĐT-KTQLCLGD ngày 08/12/2023 về việc báo cáo số liệu trường đạt chuẩn quốc gia.

Căn cứ chỉ đạo của UBND tỉnh, Sở GD&ĐT phối hợp với các Sở, ngành, UBND các huyện, thành phố để tổ chức rà soát điều kiện xây dựng trường học đạt chuẩn quốc gia và đôn đốc các đơn vị triển khai thực hiện, đăng kí thời gian đánh giá ngoài đối với các cơ sở giáo dục, ban hành kế hoạch kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận trường đạt chuẩn quốc gia, đồng thời triển khai công tác đánh giá ngoài và trình UBND tỉnh công nhận trường đạt chuẩn quốc gia theo đúng kế hoạch đề ra

2.2. Kết quả xây dựng trường chuẩn quốc gia giai đoạn 2019-2023

Kết quả trường học đạt chuẩn quốc gia (bao gồm các trường chuyển tiếp và công nhận tương đương về trường được công nhận đạt chuẩn quốc gia ở bậc mẫu giáo, tiểu học, trung học) của toàn tỉnh Vĩnh Phúc như sau:

TT	Huyện/ thành phố trực thuộc tỉnh	Tổng cộng toàn tỉnh			
		Tổng số	Đạt chuẩn quốc gia	Chưa đạt chuẩn quốc gia	Tỷ lệ trường chưa đạt chuẩn quốc gia %
1	Bình Xuyên	53	18	35	66,04%
2	Lập Thạch	76	21	55	72,37%
3	Phúc Yên	41	10	31	75,61%
4	Sông Lô	60	17	43	71,67%
5	Tam Dương	61	17	44	72,13%
6	Tam Đảo	43	17	26	60,47%
7	Vĩnh Tường	66	39	27	40,91%
8	Vĩnh Yên	42	19	23	54,76%
9	Yên Lạc	43	16	27	62,79%
Tổng cộng		485	174	311	64,12%

Bảng 1: Kết quả xây dựng trường học đạt chuẩn quốc gia của tỉnh Vĩnh Phúc giai đoạn 2019-2023 (số liệu đến 31/5/2023)

Tổng số trường học trên toàn tỉnh Vĩnh Phúc là 485 trường, trong đó số trường đạt chuẩn quốc gia tính đến 31/5/2023 là 174 trường. Số trường đạt chuẩn quốc gia theo tiêu chuẩn mới trên toàn tỉnh chưa đạt 50% [3], [4], [5]. Số lượng trường chưa được công nhận đạt chuẩn quốc gia còn rất cao, 311 trường, tỷ lệ 64,12%.

2.3. Số lượng khảo sát các trường đạt chuẩn và các trường chưa đạt chuẩn quốc gia

Để đánh giá thực trạng các điều kiện đảm bảo chất lượng của trường chuẩn quốc gia trên địa bàn

tỉnh Vĩnh Phúc, chúng tôi đã tiến hành khảo sát trên tổng số 230 trường ở các bậc học: mẫu giáo, tiểu học, trung học, trong đó có 158 trường đạt chuẩn quốc gia (tỷ lệ 68,7%) và 72 trường chưa đạt chuẩn quốc gia (tỷ lệ 31,8%).

- Số lượng trường mầm non đạt chuẩn quốc gia: 28/38 trường (tỷ lệ 73,7%), 10 trường chưa đạt chuẩn quốc gia 10/38 trường (tỷ lệ 26,3%).

- Trường Tiểu học đạt chuẩn quốc gia: 19/32 trường (tỷ lệ 54,4%), 13 trường chưa đạt chuẩn quốc gia 13/32 trường (tỷ lệ 40,6%).

- Trường trung học đạt chuẩn quốc gia: 111/160 trường (tỷ lệ 69,4%), 49 trường chưa đạt chuẩn quốc gia 49/160 trường (tỷ lệ 30,6%).

2.4. Thực trạng điều kiện đảm bảo chất lượng của các trường chưa đạt chuẩn quốc gia

2.4.1. Điều kiện đảm bảo chất lượng về phương hướng, chiến lược và tổ chức, bộ máy quản lý: Cơ cấu tổ chức của nhà trường được duy trì ổn định như các trường chuẩn quốc gia, bao gồm: Cấp ủy, Hội đồng trường, Ban giám hiệu, Tổ chức Đảng, Công đoàn, Đoàn - Đội, các tổ chuyên môn... Ngoài ra, trong nhà trường còn có Hội Chữ thập đỏ, Ban đại diện cha mẹ HS... được tổ chức và hoạt động theo đúng quy định.

- 100% các trường có phương hướng, chiến lược xây dựng và phát và phát triển nhà trường. Trong tổng số 72 trường thì có 5 trường chưa giám sát việc thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường do mới thành lập hoặc tách ra từ các cơ sở giáo dục, đây là tiêu chí đầu tiên trong các tiêu chuẩn để trường mẫu giáo, tiểu học, trung học đạt chuẩn quốc gia.

- 100% tổ chức Đảng trong các nhà trường có cơ cấu tổ chức và hoạt động theo quy định. Trong giai đoạn 2019-2023, tổ chức Đảng được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ đạt tối thiểu là 01 năm và có nhiều đơn vị trong 5 năm liên được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ.

- Ban giám hiệu có hiệu trưởng và các phó hiệu trưởng, tổ chức chuyên môn. 100% tổ chuyên môn có kế hoạch hoạt động. Trong đó: + Trường mầm non có số lượng chuyên đề hoặc sáng kiến kinh nghiệm đạt tối thiểu 10 và tối đa 58 chuyên đề hoặc sáng kiến kinh nghiệm; + Trường tiểu học có số lượng chuyên đề hoặc sáng kiến kinh nghiệm đạt tối thiểu 12 và tối đa 80 chuyên đề hoặc sáng kiến kinh nghiệm; + Trường trung học có 01 đơn vị có sáng kiến kinh nghiệm, còn 02 đơn vị mới tách từ trường khác nên chưa có đề xuất được chuyên đề hoặc sáng kiến kinh nghiệm trong thời gian khảo sát.

2.4.2. Quy mô lớp, số trẻ và số học sinh: Số trẻ mẫu giáo phần lớn đảm bảo quy định và được phân theo độ tuổi. Sĩ số lớp ổn định và đảm bảo quy mô từ 25-35 trẻ/lớp theo quy định. Tỷ lệ chuyên cần của các trường 100% đảm bảo tỷ lệ cần đạt theo quy định.

Số lớp học trong các trường tiểu học chưa đạt chuẩn quốc gia từ 25-34 lớp. Quy mô HS tiểu học từ 35-36 HS. Phần lớn các trường tiểu học đảm bảo đạt chuẩn theo quy định về quy mô HS/lớp học theo quy định của Bộ GD&ĐT quy định cụ thể về sĩ số lớp học tại bậc tiểu học thì “mỗi lớp học không có quá 35 HS” nhưng vẫn còn 03 trường có số lượng HS vượt định mức quy định về quy mô HS/lớp [6].

Số lớp học trong các trường trung học chưa đạt chuẩn quốc gia từ 11-30 lớp. Quy mô HS phần lớn từ 20-45 HS/lớp, tỷ lệ 89,8%, còn 5/59 trường có sĩ số lớn hơn 45 HS (tỷ lệ 10,2%), tuy nhiên sĩ số lớn hơn so với quy định chỉ ở 1 -2 lớp học/1 trường. Quy mô lớp học và quy mô HS/lớp học phần lớn đảm bảo theo quy định hiện hành.

2.4.3. Đội ngũ giáo viên và nhân viên: Tình hình đội ngũ GV với quy mô nhà trẻ, mẫu giáo và HS: + Các trường mẫu giáo, tiểu học, trung học chưa đạt chuẩn quốc gia về điều kiện đội ngũ GV vẫn còn thiếu nhiều so với quy mô trẻ và quy mô HS; + Trong tổng số 72 trường chưa đạt chuẩn quốc gia, số lượng trường đủ GV là 33/72 trường (tỷ lệ 45,8%); 39/72 trường còn thiếu GV so với quy định, tỷ lệ thiếu 54,2%. Trong đó, trường mẫu giáo thiếu GV 8/10 trường; tiểu học thiếu 6/7 trường; trung học thiếu 25/49 trường; Tình hình đạt chuẩn của GV: Trong tổng số 72 trường có 57/72 trường có GV đạt chuẩn (tỷ lệ 79,2%); 15/72 trường còn GV chưa đạt chuẩn, tỷ lệ GV chưa đạt chuẩn 20,8% [7]; Nhân viên hành chính đủ số lượng quy định, trong đó có nhân viên chuyên trách và GV kiêm nhiệm. 100% nhân viên

đạt chuẩn theo quy định.

2.4.4. Tài chính và cơ sở vật chất: Tài chính: Các nhà trường có đầy đủ hệ thống văn bản quy định về quản lý tài chính và lưu trữ hồ sơ, chứng từ theo quy định, có sử dụng công nghệ thông tin trong quản lý tài chính; Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học: Trong 72 trường chưa đạt chuẩn quốc gia, trong đó có 64 trường đảm bảo đủ diện tích của trường chuẩn quốc gia, tỷ lệ 88,9%. Còn 8/72 trường chưa đủ diện tích theo quy định của trường chuẩn quốc gia, tỷ lệ 11,1%. Trong đó các trường không đủ diện tích bao gồm: mầm non 3/10 trường; trung học 5/49 trường, riêng các trường tiểu học tham gia khảo sát có đủ diện tích theo quy định; Thiết bị dạy học: + Các trường mặc dù được trang bị thiết bị phục vụ công tác dạy học và rà soát bổ sung hàng năm, tuy nhiên khi triển khai Chương trình giáo dục phổ thông năm 2018 (có sự kế thừa và phát huy của Chương trình giáo dục phổ thông cũ), các trường đã tận dụng trang thiết bị được trang bị, cùng với sự sáng tạo, thiết kế bổ sung trang thiết bị của đội ngũ GV nhưng vẫn không đủ trang thiết bị theo quy định; + Trong tổng số 72 trường chưa đạt chuẩn quốc gia, có 29/72 trường đủ thiết bị dạy học (tỷ lệ 40,3%); còn 43/72 trường chưa đủ điều kiện đảm bảo trang thiết bị dạy học theo Chương trình giáo dục phổ thông năm 2018, chiếm 59,7%. Các trường còn thiếu thiết bị dạy học gồm: mầm non 4/10 trường; tiểu học 7/13 trường; trung học 32/49 trường; Về các phòng chức năng bao gồm phòng làm việc của: Hiệu trưởng; Phó hiệu trưởng; văn phòng trường; phòng dành cho nhân viên; phòng bảo vệ; khu vệ sinh GV; khu để xe của GV; phòng học tin học; phòng dạy âm nhạc, mỹ thuật, khoa học và ngoại ngữ, phòng truyền thống và hoạt động Đoàn - đội chưa đủ theo quy định.

Trong tổng số 72 trường chưa đạt chuẩn quốc gia, có 44/72 trường (tỷ lệ 61,1%) có đủ các phòng làm việc hoặc các phòng chức năng, khu thể dục thể thao, khu để xe... phục vụ nhu cầu giảng dạy của GV và học tập của HS; còn 28/72 trường (tỷ lệ 38,9%) chưa đảm bảo đủ điều kiện về các phòng dành cho nhân viên; phòng bảo vệ; khu vệ sinh của GV; khu để xe của GV; phòng học tin học; phòng dạy âm nhạc, mỹ thuật, khoa học và ngoại ngữ, phòng truyền thống và hoạt động Đoàn - Đội của các trường chuẩn quốc gia chưa đủ theo quy định. Trong tổng số 28 trường chưa đủ các phòng chức năng thì mẫu giáo có 4/10 trường; tiểu học có 5/13 trường; trung học có 19/49 trường chưa đảm bảo quy định tiêu chuẩn về cơ sở vật chất các trường mầm non, tiểu học, trung học, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học [8].

Các điều kiện cơ sở vật chất khác: + Khuôn viên trường được xây dựng riêng biệt, cổng trường thiết kế đúng quy cách, có biển trường đủ nội dung, đảm bảo mỹ quan đẹp; + Các khối công trình của trường: Phòng học kiên cố, được trang bị đầy đủ bàn ghế, có hệ thống chiếu sáng đủ điều kiện để trẻ hoặc HS học tập; + Khu vệ sinh và hệ thống cấp thoát nước: Các nhà trường có phòng vệ sinh cho GV và HS, có trường có khu vệ sinh cho người khuyết tật, đảm bảo phục vụ khá tốt nhu cầu cho toàn trường; hệ thống nước sạch đảm bảo đáp ứng nhu cầu sử dụng của CB, GV, NV và HS; + Khu để xe: Nhà trường có khu để xe dành riêng cho GV, HS đáp ứng khá tốt nhu cầu để xe của CB, GV, NV và HS; + Trang thông tin điện tử (Website): Các trường đã có website riêng, tuy nhiên đưa vào sử dụng không nhiều nên nội dung còn sơ sài, chưa hỗ trợ hiệu quả cho công tác quản lý và dạy học.

2.4.5. Công tác tuyển sinh và đào tạo: Công tác phổ cập giáo dục và kết quả giáo dục: + Tỷ lệ trẻ 5 tuổi hoàn thành chương trình giáo dục mầm non theo quy định luôn đạt trên chuẩn (định mức chuẩn quy định 85%); các trường đạt 100%; + Tỷ lệ HS 6 tuổi trên địa bàn vào lớp 1 của các trường đạt tỷ lệ 100%, Tỷ lệ HS hoàn thành chương trình lớp học đạt từ 95%. Các tỷ lệ HS 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học và tỷ lệ trẻ em đến 14 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học đạt theo quy định của trường chuẩn quốc gia; 100% trường học thực hiện chất lượng giáo dục toàn diện theo đúng chương trình, kế hoạch giáo dục phổ thông, phương pháp, hình thức dạy học phù hợp với đối tượng và đáp ứng yêu cầu nhận thức của HS; 100% các trường thực hiện nội dung giáo dục địa phương phù hợp với tình hình thực tiễn; có tổ chức các hoạt động trải nghiệm và hướng nghiệp với hình thức phong phú, đa dạng. Tổ chức các hoạt động rèn luyện kỹ năng sống cho HS. Kết quả học lực, hạnh kiểm của HS tăng theo năm học.

2.5. Đánh giá chung

2.5.1. Thuận lợi trong công tác xây dựng trường chuẩn quốc gia: Công tác xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia được sự quan tâm chỉ đạo của Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh Vinh Phúc; được các cấp, ngành, chính quyền các địa phương quan tâm tập trung đầu tư về cơ sở vật chất, trang thiết bị, bổ sung đội ngũ, nâng cao chất lượng giáo dục nhằm đáp ứng các tiêu chí về trường chuẩn quốc gia theo quy định mới.

Các cấp, ngành và chính quyền các địa phương đã xác định công tác xây dựng trường học đạt chuẩn quốc gia không những để nâng cao chất lượng giáo dục mà còn là nhiệm vụ chính trị quan trọng của ngành, địa phương, do đó các địa phương đã quan tâm ưu tiên mở rộng diện tích, bố trí đất sử dụng cho giáo dục và nguồn lực lớn để xây dựng trường học đạt chuẩn quốc gia.

Các nhà trường đã tích cực tuyên truyền cho cán bộ quản lý, GV, nhân viên nhận thức được công tác đánh giá kiểm định chất lượng và chuẩn quốc gia là nhiệm vụ thường xuyên nhằm nâng cao chất lượng giáo dục và khẳng định thương hiệu, vị thế nhà trường.

Hàng năm, các cơ sở giáo dục đã nghiêm túc triển khai công tác tự đánh giá, có kế hoạch, lộ trình, rà soát các điều kiện, tiêu chuẩn, tích cực tham mưu các cấp có thẩm quyền đầu tư kinh phí, sắp xếp đội ngũ... đảm bảo đạt các tiêu chí kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận trường đạt chuẩn quốc gia.

2.5.2. Khó khăn trong công tác xây dựng trường chuẩn quốc gia: Việc xây dựng trường chuẩn quốc gia đã được UBND tỉnh Vinh Phúc quan tâm, chỉ đạo, tuy nhiên thực tế kinh phí đầu tư để xây dựng cơ sở vật chất, mua sắm bổ sung trang thiết bị, đồ dùng dạy học. Đội ngũ GV thiếu và còn GV chưa đạt chuẩn; chuyển đổi số chưa mạnh; nguồn kinh phí bồi dưỡng đội ngũ GV, chuyển đổi số, nâng cao chất lượng dạy và học... của nhà trường phụ thuộc vào kinh phí đầu tư của tỉnh.

Tỉ lệ tăng dân số tự nhiên của tỉnh làm quy mô HS các cấp học tăng (khoảng 20%), đồng thời việc tăng dân số cơ học làm gia tăng số lớp học và sĩ số bình quân HS/lớp vượt quá quy định về điều kiện trường học đạt chuẩn quốc gia, đặc biệt đối với các trường học ở khu vực trung tâm của các huyện, thành phố, các trường học gần khu công nghiệp.

Một số trường học được xây dựng trước đây khi thực hiện tiêu chuẩn mới của trường chuẩn quốc gia thì thiếu diện tích; quy hoạch xây dựng, mật độ xây dựng chưa phù hợp; một số hạng mục, công trình đã xuống cấp, chưa đảm bảo tiêu chuẩn cơ sở vật chất tối thiểu, như khối phòng hành chính quản trị, khối phòng học tập, khối phòng hỗ trợ học tập, khối phụ trợ, khu sân chơi thể dục thể thao, khối phục vụ sinh hoạt, hạ tầng kĩ thuật.

Đội ngũ GV, nhân viên các nhà trường trên toàn tỉnh còn thiếu so với định mức, đặc biệt đối với cấp mầm non, tiểu học gây khó khăn trong công tác tổ chức dạy học và đảm bảo chất lượng giáo dục cũng như việc hoàn thành mục tiêu công nhận trường học đạt chuẩn quốc gia theo tiêu chí mới của tỉnh.

2.6. Biện pháp xây dựng trường học đạt chuẩn quốc gia

2.6.1. Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành và tuyên truyền, vận động để các tổ chức, cá nhân quan tâm, nâng cao nhận thức về ý nghĩa, tầm quan trọng của việc xây dựng trường chuẩn quốc gia. Đẩy mạnh công tác xã hội hóa giáo dục, tạo được sự phối hợp chặt chẽ và đồng bộ giữa nhà trường, gia đình và xã hội, phát huy tốt các nguồn lực trong và ngoài địa bàn tỉnh để xây dựng trường học đạt chuẩn quốc gia.

2.6.2. Tăng cường đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học; tiến hành rà soát quy hoạch, mở rộng diện tích đất xây dựng cho các trường học để đảm bảo đủ diện tích xây dựng trường học và lớp học. Đồng thời đánh giá thực trạng cơ sở vật chất các trường học theo tiêu chí của trường chuẩn quốc gia để có giải pháp đầu tư xây dựng phù hợp với từng cấp học. Chỉ đạo các đơn vị trường học tăng cường trách nhiệm trong công tác quản lý, sử dụng, bảo quản cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học; huy động hợp lý các nguồn lực ngoài ngân sách nhà nước để mua sắm, duy tu sửa chữa cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học nhằm đảm bảo đầy đủ phòng học, phòng chức năng, trang bị đồ dùng, đồ

chơi, thiết bị dạy học tối thiểu theo hướng trường chuẩn quốc gia.

2.6.3. Tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ GV, nhân viên các cấp học: mầm non, tiểu học, trung học đảm bảo đủ cơ cấu, số lượng theo định mức quy định. Có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, trình độ quản lý giáo dục và lý luận chính trị cho đội ngũ cán bộ quản lý, GV trong các trường học nhằm đạt chuẩn theo quy định.

2.6.4. Tăng cường bồi dưỡng, tập huấn thường xuyên về công tác tự đánh giá và đánh giá ngoài cho cán bộ quản lý giáo dục, GV, nhân viên trong toàn ngành Giáo dục về công tác kiểm định chất lượng giáo dục và xây dựng trường học đạt chuẩn quốc gia.

3. Kết luận

Xây dựng trường chuẩn quốc gia là chủ trương lớn mang tính chiến lược của ngành Giáo dục nhằm chuẩn hóa cơ sở vật chất, đội ngũ nhà giáo, nâng cao chất lượng giáo dục. Mục tiêu xây dựng trường chuẩn quốc gia còn gặp nhiều khó khăn về cơ sở vật chất, chưa đủ diện tích đất, thiếu phòng chức năng và trang thiết bị dạy học; đội ngũ GV còn thiếu cục bộ ở môn học mới. Vì vậy, tỉnh Vĩnh Phúc cần tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành và tuyên truyền, vận động để các tổ chức, cá nhân quan tâm, nâng cao nhận thức về ý nghĩa, tầm quan trọng của việc xây dựng trường chuẩn quốc gia; tăng cường đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học; tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ GV, nhân viên các cấp học; tăng cường bồi dưỡng, tập huấn thường xuyên về công tác tự đánh giá và đánh giá ngoài cho cán bộ quản lý giáo dục, GV nhân viên trong toàn ngành khắc phục khó khăn, hoàn thành chỉ tiêu xây dựng trường chuẩn quốc gia, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo.

Tài liệu tham khảo

- [1] Ban Chấp hành Trung ương (2013), *Nghị quyết số 29-NQ/TW, ngày 04/11/2013 về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế.*
- [2] Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Vĩnh Phúc lần thứ XVII (2020), *Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Vĩnh Phúc lần thứ XVII nhiệm kỳ 2020-2025, số 01-NQ/ĐH XVII, ngày 16/11/2020.*
- [3] Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018), *Thông tư số 17/2018/TT-BGDĐT, ngày 22/8/2018 ban hành Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường tiểu học.*
- [4] Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018), *Thông tư 18/2018/TT-BGDĐT, ngày 22/8/2018 ban hành Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường trung học, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học.*
- [5] Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018), *Thông tư 19/2018/TT-BGDĐT, ngày 22/8/2018 ban hành Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường mầm non.*
- [6] Bộ Giáo dục và Đào tạo (2020), *Thông tư số 28/2020/TT-BGDĐT, ngày 04/9/2020 ban hành Điều lệ trường tiểu học.*
- [7] Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018), *Thông tư số 20/2018/TT-BGDĐT, ngày 22/8/2018 ban hành Quy định chuẩn nghề nghiệp giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông.*
- [8] Bộ Giáo dục và Đào tạo (2020), *Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT, ngày 26/5/2020 ban hành Quy định tiêu chuẩn cơ sở vật chất các trường mầm non, tiểu học, trung học, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học.*